

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Bà Hoàng Thị Gấm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1985

Địa chỉ: khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do).

3- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954

- Bà Hà Thị H, sinh năm 1958

Đều có địa chỉ: khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2021 và bản tự khai ngày 05/11/2021 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 05/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H ở nhà không chăm lo cho các con, thường xuyên không ở nhà đi đâu không rõ lý do, thường xuyên bỏ nhà đi. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải và khuyên bảo nhưng không có kết quả, kể từ tháng 7/2021 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Nay anh làm đơn xin ly hôn vì anh thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn ngày 05/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ và làm ruộng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là giữa bố mẹ chồng và chị H nên dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng. anh Q nghe bố mẹ đẻ luôn tạo áp lực cho chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ khi con chị còn nhỏ bố mẹ chồng thường xuyên gây áp lực với chị nên chị đã bỏ nhà anh Q đi vài tháng sau đó mới trở về. Việc chị bỏ đi khỏi nhà anh Q xảy ra thường xuyên vì do bố mẹ anh Q tạo áp lực cho chị nên chị bỏ đi để tránh mâu thuẫn gia đình. Trong thời gian chị bỏ đi bố mẹ đẻ anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Chị và anh Q sống không hạnh phúc, hiện tại vợ chồng sống ly thân vì anh Q nghe bố mẹ. Nay anh Q xin ly hôn chị H không nhất trí và xin đoàn tụ vì chị không có lỗi việc chị thường xuyên bỏ đến chùa Phúc Long của xã V là để tránh bố chồng chửi và tránh mâu thuẫn gia đình. Anh Q đi làm có tiền về không đưa cho tôi mà đưa cho bố mẹ anh quản lý nên chị không có tiền để nuôi con. Do bố mẹ anh Q quản lý tất cả về kinh tế của anh Q nên bố mẹ anh Q chăm sóc con của vợ chồng khi chị vắng nhà.

- Về con chung: Hai bên đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 15/5/2014 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 19/02/2017.

Ly hôn anh Q xin được trực tiếp nuôi 02 con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H xin được nuôi 01 con chung, chị nuôi con nào cũng được.

- Về tài sản chung: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H trình bày: Vợ chồng có nhà trên đất của bố mẹ anh Q diện tích bao nhiêu chị không biết, chi phí xây dựng hết bao nhiêu tiền chị không rõ vì người tra tiền công và vật liệu xây dựng là bố chồng chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Hai bên đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Q, bà Hà Thị H đều trình bày: Thừa đất số 124, tờ bản đồ số 22, diện tích 464,4m² trên đất có 01 nhà xây cấp bốn là của ông, bà đã xây từ lâu. Sau khi anh Q và chị H kết hôn thì ông, bà cho anh chị ở, còn ông bà tạm thời sang trông nhà cho con trai cả của ông bà là anh Nguyễn Văn D ở và trông các con giúp anh D để vợ chồng anh đi làm, ông bà tạm thời để anh Q, chị H ở chứ không cho. Sau đó nhà xuống cấp, nên ông bà đã đập đi làm lại vào năm 2020, những người con khác của ông bà đã hỗ trợ và cho ông bà tiền để xây lại hết tổng số tiền là 300.000.000 đồng, riêng anh Q, chị H do khó khăn về kinh tế nên không cho ông bà khoản tiền nào.

Tại phiên tòa anh Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê:

- Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều

147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 15/5/2014 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 19/02/2017 kể từ tháng 4/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Q không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: anh Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết việc ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, có hộ khẩu thường trú tại khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Nguyễn Thị Thu H không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Chị Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Thu H đảm bảo các điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại

chính quyền địa phương, khu dân cư, đại diện hội phụ nữ nơi vợ chồng sinh sống cung cấp: “ Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Thu H là công dân khu L, xã V, huyện C. Anh Q, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 05/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu L, xã V và làm ruộng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận một thời gian ngắn sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không quan tâm, chăm lo cho gia đình và con cái, hàng ngày chị H đến chùa của xã Văn Khúc và sinh hoạt ở đó, nhiều lần chính quyền địa phương khuyên giải để chị về nhà nhưng chị không đồng ý, hiện tại chị vẫn ở chùa. Các con chung của anh chị chủ yếu do anh Q và bố mẹ đẻ của anh giúp đỡ chăm sóc. Nay anh Q xin ly hôn chị H đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật”.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ quan điểm là xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H. Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng thì thấy anh Q và chị H đã sống ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Nay anh Q xin ly hôn chị H là có căn cứ cần chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Thu H xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu của chị H.

[3]. Về con chung: Quá trình xác minh thấy rằng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung, kể từ khi vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân con chung của anh chị do anh Q và bố mẹ anh Q giúp đỡ nuôi dưỡng và chăm sóc, chị H thường xuyên đến Chùa, không chịu khó lao động, không có thu nhập, nếu giao các con chung của Vợ chồng cho chị H nuôi sẽ không đảm bảo được cuộc sống cho các cháu. Hơn nữa trong quá trình giải quyết tại Toà án cháu Ngân có quan điểm xin được ở với anh Nguyễn Văn Q. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nhỏ, tôn trọng nguyện vọng của con chung của vợ chồng cần giao các cháu Nguyễn Kim Ngân và Nguyễn Gia Nghiêm cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con nên chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết xác định được anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Thu H không có tài sản chung gì. Đối với thửa đất số 124 tờ bản đồ số 22 diện tích 464,4m². Địa chỉ: khu 3 (nay là khu L), xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được

UBND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/12/2013. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn 100 m² là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Q và bà Hà Thị H (là bố, mẹ đẻ của anh Q). Quá trình giải quyết chị H cũng đã trình bày thừa đất 124, tờ bản đồ 22 là tài sản của ông Nguyễn Văn Q, bà Hà Thị H, căn nhà được xây trên đất cũng do ông Q, bà H xây dựng, chị không có tiền đóng góp hay đưa cho ông, bà xây nhà. Anh Q trình bày trong khi bố mẹ anh xây nhà, anh đi làm chỉ đủ tiền nuôi con không có tiền đưa cho bố mẹ đóng góp để xây nhà. Do đó tài sản nhà, đất là của ông Q, bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy việc yêu cầu chia tài sản chung của chị H là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

[5]. Về nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 15/5/2014 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 19/02/2017 kể từ tháng 4/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Q không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007711 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh Nguyễn Văn Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo

